

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5225/UBND-VX

Bình Định, ngày 30 tháng 9 năm 2019

Về việc chuẩn bị báo cáo
phục vụ thanh tra chuyên đề
công tác quản lý nhà nước
về giáo dục, đào tạo.

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Xây dựng;
- Sở Nội vụ;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Quyết định số 658/QĐ-TTCP ngày 18/9/2019 của Thanh tra Chính phủ về việc thanh tra chuyên đề công tác quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo và Công văn đề ngày 20/9/2019 của Trưởng Đoàn thanh tra về việc chuẩn bị thanh tra theo Quyết định số 658/QĐ-TTCP ngày 18/9/2019 của Thanh tra Chính phủ (*Photo Quyết định và Công văn đính kèm*). Về vấn đề này, Chủ tịch UBND có ý kiến như sau:

1. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nội vụ, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan chuẩn bị báo cáo (nội dung đối với UBND tỉnh) và các hồ sơ, tài liệu liên quan theo hướng dẫn của Đoàn Thanh tra tại Công văn nêu trên; báo cáo UBND tỉnh trước ngày 02/10/2019 để UBND tỉnh gửi Đoàn Thanh tra, phục vụ công tác kiểm tra, xác minh trực tiếp.

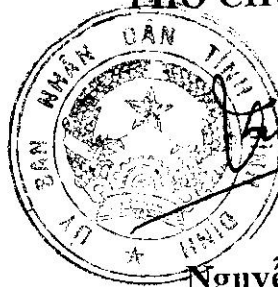
2. Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với các đơn vị liên quan chuẩn bị báo cáo và các hồ sơ, tài liệu liên quan theo hướng dẫn của Đoàn Thanh tra tại Công văn nêu trên (nội dung với UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh); gửi Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 02/10/2019 để Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, gửi Đoàn Thanh tra, phục vụ công tác kiểm tra, xác minh trực tiếp.

3. Trên cơ sở báo cáo và các hồ sơ, tài liệu liên quan do UBND các huyện, thị xã, thành phố gửi; Sở Giáo dục có trách nhiệm tổng hợp; gửi Đoàn Thanh tra, phục vụ công tác kiểm tra, xác minh trực tiếp theo nội dung yêu cầu của Trưởng Đoàn Thanh tra tại Công văn nêu trên.



Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị phối hợp triển khai thực hiện/.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT VX;
- Thanh tra tỉnh ;
- Sở TN&MT ;
- CVP, PVP VX ;
- Lưu VT, K18, K9. B

QUYẾT ĐỊNH

Thanh tra chuyên đề công tác quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo

TỔNG THANH TRA CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 50/2018/NĐ-CP ngày 09/4/2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ;

Căn cứ Định hướng chương trình thanh tra năm 2019 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (tại Văn bản số 10329/VPCP-V.I ngày 24/10/2018 của Văn phòng Chính phủ) và ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch thanh tra năm 2019 của Thanh tra Chính phủ (tại Văn bản số 11182/VPCP-V.I ngày 16/11/2018 của Văn phòng Chính phủ); Quyết định số 989/QĐ-TTTP ngày 16/11/2018 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2019 của Thanh tra Chính phủ và Kế hoạch số 2204/KH-TTTP ngày 13/12/2018 của Tổng Thanh tra Chính phủ về thực hiện các cuộc thanh tra năm 2019 của Thanh tra Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh tra, Giải quyết khiếu nại, tố cáo khối văn hoá, xã hội (Vụ III) và Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiến hành thanh tra chuyên đề công tác quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo với nội dung quản lý nhà nước về: Sách giáo khoa, quản lý, triển khai, thực hiện một số dự án đầu tư cho giáo dục, đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đội ngũ nhà giáo, hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, biên chế sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục tại 05 Bộ và Ủy ban nhân dân 12 tỉnh (có danh sách kèm theo).

Thời kỳ thanh tra: Từ năm 2014 đến năm 2018; khi cần thiết có thể xem xét trước hoặc sau thời kỳ trên.

Thời hạn thanh tra: 80 ngày làm việc thực tế (không kể ngày nghỉ, ngày lễ) kể từ ngày công bố quyết định thanh tra.

Điều 2. Thành lập Đoàn thanh tra, gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1. Ông Phan Thăng Long, TTVCC, Phó Vụ trưởng Vụ III, Thanh tra Chính phủ - Trưởng đoàn;

2. Ông Trần Quốc Dũng, TTVC, Vụ III, Thanh tra Chính phủ - Phó Trưởng đoàn;

3. Ông Ngô Đình Long, TTVC, Vụ III, Thanh tra Chính phủ - Phó Trưởng đoàn;
4. Ông Lê Văn Hưng, TTVC, Vụ III, Thanh tra Chính phủ - Thành viên;
5. Ông Lê Quang Hiệp, TTVC, Vụ III, Thanh tra Chính phủ - Thành viên;
6. Ông Lê Duy Văn, TTVC, Vụ III, Thanh tra Chính phủ - Thành viên;
7. Ông Đỗ Việt Tuấn, TTVC, Vụ III, Thanh tra Chính phủ - Thành viên;
8. Bà Lê Thị Luyến, TTVC, Vụ III, Thanh tra Chính phủ - Thành viên;
9. Ông Trần Công Hưng, TTVC, Vụ III, Thanh tra Chính phủ - Thành viên;
10. Ông Đồng Đình Chính, TTV, Vụ III, Thanh tra Chính phủ - Thành viên;
11. Bà Trần Thị Loan, TTV, Vụ III, Thanh tra Chính phủ - Thành viên;
12. Ông Vũ Minh Khải, TTV, Vụ III, Thanh tra Chính phủ - Thành viên;
13. Ông Nguyễn Minh Phương, TTV, Vụ III, Thanh tra Chính phủ - Thành viên;
14. Ông Lê Tiến Long, TTV, Vụ III, Thanh tra Chính phủ - Thành viên.

Điều 3. Đoàn thanh tra có nhiệm vụ tiến hành thanh tra theo nội dung quy định tại Điều 1 của Quyết định này và Kế hoạch tiến hành thanh tra được phê duyệt; báo cáo Tổng Thanh tra Chính phủ kết quả thanh tra.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng đoàn thanh tra và Thành viên Đoàn thanh tra thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra và các quy định khác của pháp luật.

Giao Vụ trưởng Vụ III chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc Đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn quy định, xử lý hoặc trình Tổng Thanh tra Chính phủ xử lý theo thẩm quyền các kiến nghị của Đoàn thanh tra.

Giao Vụ Giám sát, thẩm định và Xử lý sau thanh tra giúp Tổng Thanh tra Chính phủ giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra theo quy định về giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ, Vụ trưởng Vụ III, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tổng hợp, Vụ trưởng Vụ Giám sát, thẩm định và Xử lý sau thanh tra thuộc Thanh tra Chính phủ; Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh (theo danh sách); các ông, bà có tên tại Điều 2 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Chữ ký]*

Nơi nhận: *[Chữ ký]*

- Thủ tướng Chính phủ;
 - Phó TTg Trương Hòa Bình;
 - Phó TTg Vũ Đức Dam;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Tổng Thanh tra Chính phủ;
 - Phó Tổng TTCP Trần Ngọc Liêm;
 - Như Điều 4;
 - Vụ KHTH, Vụ GSTĐ&XLSTT;
 - Lưu: VT, Vụ III, Đoàn thanh tra.
- (để báo cáo)

[Chữ ký]

**KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA**



[Chữ ký]
Trần Ngọc Liêm



DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC THANH TRA
(Kèm theo Quyết định số 658/QĐ-TTCP ngày 18/9/2019)

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3. Bộ Tài chính
4. Bộ Giao thông vận tải
5. Bộ Tài nguyên và Môi trường
6. Bộ Thông tin và Truyền thông
7. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai
8. Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái
9. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh
10. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh
11. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai
12. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum
13. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ✓
14. Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang
15. Ủy ban nhân dân tỉnh Long An
16. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp
17. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang
18. Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau *Lp*

THANH TRA CHÍNH PHỦ
Đoàn thanh tra theo
Quyết định số 658/QĐ-TTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2019

V/v chuẩn bị thanh tra theo Quyết định số
~~658/QĐ-TTCP~~ ngày 18/9/2019

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh: Lào Cai, Yên Bái, Bắc Ninh,
Quảng Ninh, Gia Lai, Kon Tum, Bình Định, Tiền Giang,
Long An, Đồng Tháp, Kiên Giang, Cà Mau

Thực hiện Chương trình, kế hoạch thanh tra năm 2019 của Thanh tra Chính phủ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, ngày 18/9/2019 Tổng Thanh tra Chính phủ ban hành Quyết định số 658/QĐ-TTCP thanh tra chuyên đề công tác quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo.

Theo Kế hoạch tiến hành thanh tra được Tổng Thanh tra Chính phủ phê duyệt, để làm rõ các nội dung thanh tra, Đoàn thanh tra đề nghị UBND các tỉnh: Lào Cai, Yên Bái, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Gia Lai, Kon Tum, Bình Định, Tiền Giang, Long An, Đồng Tháp, Kiên Giang, Cà Mau:

- Chuẩn bị báo cáo bằng văn bản (theo Đề cương yêu cầu báo cáo gửi kèm) gửi Đoàn thanh tra trước ngày 07/10/2019 và chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác thanh tra.

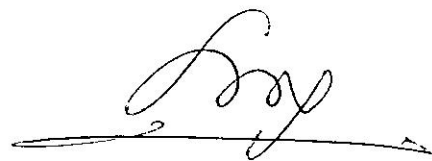
- Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, UBND thành phố, thị xã, huyện thuộc tỉnh và các đơn vị có liên quan chuẩn bị báo cáo bằng văn bản (theo Đề cương yêu cầu báo cáo gửi kèm) gửi Đoàn thanh tra trước ngày 07/10/2019 và chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, xác minh trực tiếp.

Trong thời gian thanh tra, Đoàn thanh tra sẽ thông báo danh sách các đơn được kiểm tra, xác minh trực tiếp để UBND tỉnh biết và chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Đoàn thanh tra.

TRƯỞNG ĐOÀN THANH TRA



Phan Thăng Long

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2019

ĐỀ CƯƠNG YÊU CẦU BÁO CÁO
(Đối với UBND tỉnh)

Thực hiện Quyết định số 658/QĐ-TTCP ngày 18/9/2019 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc thanh tra chuyên đề công tác quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo với nội dung công tác QLNN về đội ngũ nhà giáo, hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, biên chế sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo; thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục tại 05 Bộ và UBND 12 tỉnh (Lào Cai, Yên Bái, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Gia Lai, Kon Tum, Bình Định, Tiền Giang, Long An, Đồng Tháp, Kiên Giang, Cà Mau).

Đoàn thanh tra đề nghị UBND 12 tỉnh chuẩn bị báo cáo bằng văn bản theo nội dung sau:

I. Đặc điểm tình hình (giai đoạn 2014-2018)

- Khái quát chung cơ cấu mạng lưới trường học và đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục của ngành giáo dục địa phương giai đoạn 2014-2018:

+ Cơ cấu mạng lưới trường, lớp, học sinh, sinh viên và đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp) nói chung.

+ Khái quát cơ cấu mạng lưới cơ sở đào tạo giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục (đại học, cao đẳng, trung cấp), số lượng sinh viên của hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo nói riêng.

- Khái quát chung về biên chế sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của địa phương.

- Khái quát chung về tình hình thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục.

II. Tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về đội ngũ nhà giáo, hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, biên chế sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo; thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục giai đoạn 2014-2018.

Báo cáo thuyết minh theo trình tự; nêu rõ quá trình tổ chức, thực hiện từng nhiệm vụ; những mặt đạt được, những mặt còn hạn chế, nguyên nhân. Cụ thể như sau:

- Việc xây dựng và trình hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, chính sách phát triển giáo dục trên địa bàn; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, chính sách phát triển giáo dục sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. (Hồ sơ, tài liệu minh chứng gửi kèm).

- Việc tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục; về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo

dục, ban hành các chính sách của địa phương để phát triển giáo dục trên địa bàn. *(Kết quả thực hiện, kết quả kiểm tra gửi kèm).*

- Việc chỉ đạo, hướng dẫn và thực hiện quy hoạch, kế hoạch, tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. *(Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn; danh sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giáo dục gửi kèm).*

- Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, miễn nhiệm, cách chức, giáng chức và thực hiện chính sách đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường đại học công lập trực thuộc *(Các quy định, quy chế làm căn cứ, cơ sở pháp lý để thực hiện)*; việc công nhận, không công nhận hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng quản trị, hiệu trưởng trường đại học tư thục trên địa bàn theo tiêu chuẩn được quy định; việc công nhận hội đồng trường, trường đại học trực thuộc tỉnh *(căn cứ, cơ sở pháp lý để thực hiện)*. *(Lập biểu thống kê kết quả thực hiện theo từng năm, sao chụp các quy định, quy chế, căn cứ pháp lý gửi kèm).*

- Việc giao, phân bổ, bảo đảm đủ biên chế sự nghiệp cho các cơ sở giáo dục, biên chế công chức cho cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo. *(Lập biểu giao, phân bổ theo từng năm, sao chụp các quyết định phân bổ).*

- Việc chỉ đạo, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về giáo dục trong việc bảo đảm các điều kiện về thành lập trường, hoạt động giáo dục, mở ngành đào tạo; việc chỉ đạo thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý (theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 và Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo). *(Các văn bản chỉ đạo, kết quả kiểm tra gửi kèm).*

- Việc chỉ đạo thực hiện việc sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chính sách đối với đội ngũ công chức, viên chức và người lao động tại các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định. *(Các văn bản chỉ đạo gửi kèm).*

- Việc thành lập, cho phép thành lập, thu hồi quyết định thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, chuyển đổi loại hình trường đối với các cơ sở giáo dục công lập, tư thục theo quy định. *(Các quyết định gửi kèm)*

- Việc thành lập, quyết định giải thể hoặc chấm dứt hoạt động đối với cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định. *(Các quyết định gửi kèm).*

- Việc thành lập hội đồng trường, công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch hội đồng trường, bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường; công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, khen thưởng, kỷ luật đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường trung cấp sư phạm, trường cao đẳng sư phạm, trường bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục tỉnh, trường đại học công lập trực thuộc tỉnh theo tiêu chuẩn chức danh và thủ tục do pháp luật quy định. *(Căn cứ, cơ sở pháp lý để thực hiện; lập biểu thống kê kết quả thực hiện theo từng năm, sao chụp các quy định, quy chế, căn cứ pháp lý gửi kèm).*

- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo theo tiêu chuẩn chức danh và thủ tục do pháp luật quy định. *(Các quy định, quy chế làm căn cứ, cơ sở pháp lý để thực hiện; lập biểu thống kê kết quả thực hiện).*

- Việc thanh tra hành chính đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý; việc chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Giáo dục và Đào tạo thanh tra hành chính đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý; chỉ đạo thanh tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật. *(Lập biểu thống kê các cuộc thanh tra theo từng năm, sao chụp các kết quả thanh tra, thống kê các vi phạm điển hình; sao chụp các văn bản chỉ đạo đơn vị cấp dưới thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện công tác thanh tra).*

- Việc giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo và xử lý vi phạm về giáo dục tại các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật. *(Lập biểu thống kê các vụ việc theo từng năm, sao chụp các kết quả giải quyết, thống kê các nội dung khiếu nại, tố cáo điển hình).*

- Việc báo cáo hàng năm tình hình về lĩnh vực giáo dục của địa phương với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định. *(Các báo cáo hàng năm gửi kèm).*

III. Thuận lợi, khó khăn

Đề nghị UBND tỉnh nêu rõ những thuận lợi, khó khăn *(đặc biệt về cơ chế, chính sách)* trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước về đội ngũ nhà giáo, về hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo; biên chế sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo; thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục (giai đoạn 2014-2018), đồng thời chỉ rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan về những thuận lợi, khó khăn đã nêu.

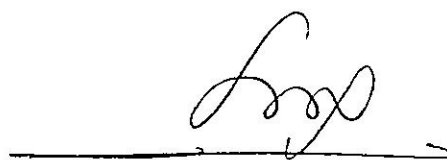
IV. Kiến nghị, đề xuất

Trên cơ sở những kết quả đạt được và những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước về đội ngũ nhà giáo, về hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo; biên chế sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo; thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục (giai đoạn 2014-2018), đề nghị UBND tỉnh kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền khác *(đặc biệt về cơ chế, chính sách)*, đề xuất các giải pháp khắc phục.

V. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu:

UBND tỉnh thực hiện báo cáo, tổng hợp số liệu theo các biểu mẫu kèm theo và chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu liên quan cung cấp cho Đoàn thanh tra tại buổi công bố Quyết định thanh tra *(Lập danh mục hồ sơ theo các bước thực hiện và trình tự thời gian để thuận tiện cho việc kiểm tra)*.

TRƯỞNG ĐOÀN THANH TRA



Phan Thăng Long

[illegible]

TT	Chỉ tiêu	Cơ sở đào tạo trực thuộc UBND tỉnh, thành phố ^(*)											Ghi chú
		Tổng số	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		
			Đúng	Không đúng	Đúng	Không đúng	Đúng	Không đúng	Đúng g	Không đúng	Đúng g	Không đúng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	3. Thời gian công khai												
2	Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục												
	1. Nội dung công khai												
	2. Hình thức công khai												
	3. Thời gian công khai												
3	Công khai thu chi tài chính												
	1. Nội dung công khai												
	2. Hình thức công khai												
	3. Thời gian công khai												
	Cộng												

Ghi chú: ^(*) Lập danh sách các cơ sở đào tạo trực thuộc UBND tỉnh, thành phố, trong đó tổng số đơn vị đã công khai, tổng số đơn vị chưa công khai. Trong tổng số đơn vị đã công khai có bao nhiêu đơn vị công khai đúng, chưa đúng. Số đơn vị công khai chưa đúng về hình thức, về nội dung, thời gian qui định ...Nêu rõ nguyên nhân chưa công khai, chưa công khai đúng...

Người lập
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO SƯ PHẠM
Đại học, cao đẳng, trung cấp

TT	Tên trường/Bậc, hình thức đào tạo sư phạm	Kết quả tuyển sinh, đào tạo												Ghi chú									
		Năm 2014				Năm 2015				Năm 2016					Năm 2017				Năm 2018				
		Số lượng thí sinh dự thi	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tốt nghiệp (%)	Số lượng thí sinh dự thi	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tốt nghiệp (%)	Số lượng thí sinh dự thi	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tốt nghiệp (%)		Số lượng thí sinh dự thi	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tốt nghiệp (%)	Số lượng thí sinh dự thi	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tốt nghiệp (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
1	DẠI HỌC																						
1	Trường....																						
1	Tiến sĩ																						
2	Thạc sĩ																						
3	Dại học																						
4	Bằng 2																						
5	Liên thông cao đẳng lên đại học																						
6	Cao đẳng																						
7	Liên thông trung cấp lên cao đẳng																						
8	Trung cấp																						
2	Trường....																						
.....																							
II	CAO ĐẲNG																						
1	Trường....																						
1	Liên thông cao đẳng lên đại học																						
2	Cao đẳng																						
3	Liên thông trung cấp lên cao đẳng																						
4	Trung cấp																						
2	Trường....																						
.....																							
III	TRUNG CẤP																						
1	Trường....																						
1	Liên thông trung cấp lên cao đẳng																						
2	Trung cấp																						
3	Sơ cấp																						
2	Trường....																						
.....																							
Cộng																							

Giải thích: (*) Thể hiện số liệu học viện sinh viên tại nobien.trovo.nam

Ghi chú: ()* Thể hiện số hiệu học viên, sinh viên tốt nghiệp trong năm

Người lập
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

CƠ CẤU MẠNG LƯỚI TRƯỞNG, LỚP, HỌC SINH VÀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CBQLGD MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

CƠ CẤU MẠNG LƯỚI TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH VÀ DẠY HỌC NỬA GIỜ, CỘT SỐ 1 VÀ 2																			
TT	Năm học/Cấp học	Trường	Trong đó		Lớp	Trong đó		Học sinh	Trong đó		Tỷ lệ học sinh ngoài công lập (%)	Tổng số giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, NV hiện có	Giáo viên, giảng viên		Nhân viên	Tổng biên chế giảng viên, giáo viên được cơ quan có thẩm quyền giao	Chú chú		
			Công lập	Ngoài công lập		Công lập	Ngoài công lập		Công lập	Ngoài công lập			Trong biên chế	Hợp đồng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Mầm non (Nhà trẻ, Mẫu giáo, Mầm non)																		
	Năm học 2013-2014																		
	Năm học 2014-2015																		
	Năm học 2014-2015																		
	Năm học 2015-2016																		
	Năm học 2016-2017																		
	Năm học 2017-2018																		
2	Tiểu học																		
	Năm học 2013-2014																		
	Năm học 2014-2015																		
	Năm học 2014-2015																		
	Năm học 2015-2016																		
	Năm học 2016-2017																		
	Năm học 2017-2018																		
3	THCS																		
	Năm học 2013-2014																		
	Năm học 2014-2015																		
	Năm học 2014-2015																		
	Năm học 2015-2016																		
	Năm học 2016-2017																		
	Năm học 2017-2018																		
4	THPT																		
	Năm học 2013-2014																		
	Năm học 2014-2015																		
	Năm học 2014-2015																		
	Năm học 2015-2016																		
	Năm học 2016-2017																		
	Năm học 2017-2018																		
	Tổng cộng																		

Chú: (*) Tổng biên chế tính theo hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập của Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ và Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT

Người lập (ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị (ký, họ tên, đóng dấu)

Đội ngũ như giáo, các bộ quản lý giáo dục, nhân viên...

[illegible]

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2019

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
(Đối với UBND huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh)

Thực hiện Quyết định số 658/QĐ-TTCP ngày 18/9/2019 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc thanh tra chuyên đề công tác quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo với nội dung công tác QLNN về đội ngũ nhà giáo, hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, biên chế sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo; thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục tại 05 Bộ và UBND 12 tỉnh (Lào Cai, Yên Bái, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Gia Lai, Kon Tum, Bình Định, Tiền Giang, Long An, Đồng Tháp, Kiên Giang, Cà Mau).

Đoàn thanh tra đề nghị UBND huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là UBND huyện) chuẩn bị báo cáo bằng văn bản theo nội dung sau:

I. Đặc điểm tình hình (giai đoạn 2014-2018)

- Khái quát chung cơ cấu mạng lưới trường học và đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục của ngành giáo dục địa phương giai đoạn 2014-2018:

+ Cơ cấu mạng lưới trường, lớp, học sinh và đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông).

- Khái quát chung về biên chế sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của địa phương.

- Khái quát chung về tình hình thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục.

II. Tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về đội ngũ nhà giáo, hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, biên chế sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo; thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục giai đoạn 2014-2018.

Báo cáo thuyết minh theo trình tự; nêu rõ quá trình tổ chức, thực hiện từng nhiệm vụ; những mặt đạt được, những mặt còn hạn chế, nguyên nhân. Cụ thể như sau:

- Việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển sự nghiệp giáo dục trên địa bàn huyện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; chỉ đạo, kiểm tra tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án giáo dục đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. *(Sao chụp các quy hoạch, kế hoạch, các văn bản chỉ đạo gửi kèm).*

- Việc chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trong việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục. *(Các văn bản chỉ đạo, kết quả kiểm tra hàng năm gửi kèm).*

- Việc thực hiện công khai và chỉ đạo, kiểm tra các cơ sở giáo dục trực thuộc trong việc thực hiện quy chế công khai (công khai chất lượng giáo dục, công khai các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục; công khai tài chính); việc tổng hợp kết quả thực hiện quy chế công khai và kết quả kiểm tra của các cơ sở

giáo dục trực thuộc (theo quy định tại Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009, Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22/3/2005, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính). *(Các văn bản chỉ đạo, kết quả kiểm tra gửi kèm).*

- Việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý của UBND huyện trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục trên địa bàn. *(Các văn bản chỉ đạo, kết quả kiểm tra hàng năm gửi kèm).*

- Việc thực hiện công tác thống kê, thông tin, báo cáo theo định kỳ và hàng năm về tổ chức và hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của UBND tỉnh và Sở Giáo dục và Đào tạo. *(Các báo cáo gửi kèm).*

- Việc bảo đảm đủ biên chế sự nghiệp cho các cơ sở giáo dục (xây dựng, tổng hợp kế hoạch biên chế sự nghiệp giáo dục của các cơ sở giáo dục trực thuộc; quyết định phân bổ biên chế sự nghiệp các cơ sở giáo dục trực thuộc; hướng dẫn, tổ chức thực hiện và kiểm tra, thanh tra việc tuyển dụng, sử dụng, luân chuyển, biệt phái, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trên địa bàn huyện). *(Lập biểu kế hoạch biên chế hàng năm; sao chụp các quyết định phân bổ; thống kê kết quả tuyển dụng, luân chuyển, biệt phái, kết quả thanh tra, kiểm tra theo từng năm).*

- Chỉ đạo thực hiện việc sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chính sách đối với đội ngũ công chức, viên chức và người lao động tại các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định; việc cập nhật thông tin về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục thuộc phạm vi quản lý vào cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục. *(Các văn bản chỉ đạo gửi kèm).*

- Việc bảo đảm các điều kiện về tài chính, tài sản, cơ sở vật chất để phát triển giáo dục trên địa bàn *(lập biểu thống kê số liệu đã thực hiện theo từng năm)*; thực hiện xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển giáo dục *(lập biểu thống kê số liệu đã thực hiện theo từng năm)*; ban hành các quy định để bảo đảm quyền tự chủ, nghĩa vụ tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn *(Các quy định gửi kèm)*; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện *(Kết quả thực hiện gửi kèm)*.

- Việc chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị và xử lý vi phạm về giáo dục theo quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát việc thực hiện công khai chất lượng giáo dục, công khai điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, công khai tài chính của các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý của UBND huyện. *(Lập biểu thống kê các cuộc thanh tra, vụ việc khiếu nại, tố cáo theo từng năm, sao chụp các kết quả thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thống kê các vi phạm điển hình).*

III. Thuận lợi, khó khăn

Đề nghị UBND huyện nêu rõ những thuận lợi, khó khăn *(đặc biệt về cơ chế, chính sách)* trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước về đội ngũ nhà giáo, về hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo; biên chế sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo; thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục (giai đoạn 2014-2018), đồng thời chỉ rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan về những thuận lợi, khó khăn đã nêu.

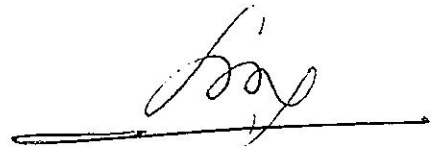
IV. Kiến nghị, đề xuất

Trên cơ sở những kết quả đạt được và những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước về đội ngũ nhà giáo, về hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo; biên chế sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo; thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục (giai đoạn 2014-2018), đề nghị UBND huyện kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có thẩm quyền khác (*đặc biệt về cơ chế, chính sách*), đề xuất các giải pháp khắc phục.

V. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu:

UBND huyện thực hiện báo cáo, tổng hợp số liệu theo các biểu mẫu kèm theo và chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu liên quan cung cấp cho Đoàn thanh tra tại buổi công bố Quyết định thanh tra (*Lập danh mục hồ sơ theo các bước thực hiện và trình tự thời gian để thuận tiện cho việc kiểm tra*)./.

TRƯỞNG ĐOÀN THANH TRA



Phan Thăng Long

DANH SÁCH VÀ BIÊN CHẾ CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC TRỰC TIẾP QUỐC

[illegible]

SƠ LƯỢC:
 Ông hợp tác cao các trường ngoài công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND quận, huyện và thành phố như: trường ngoài công lập.

Ngũgĩ lāp
(kɔ̃ sɛn)

Thủ (rường đơn vị)
(Kỷ lện. dòng đầu)

BIỂU TỔNG HỢP THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI CỦA CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO TRỰC THUỘC

TT	Chi tiêu	Cơ sở đào tạo trực thuộc Bộ Công thương ^(*)										Ghi chú	
		Tổng số	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		
			Đúng g	Không đúng	Đúng	Không đúng	Đúng	Không đúng	Đúng g	Không đúng	Đúng g		Không g
A	CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC												
I	Tổng số đơn vị												
II	Đơn vị chưa công bố công khai												
III	Đơn vị đã công bố công khai:												
1	Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế												
	1. Nội dung công khai												
	2. Hình thức công khai												
	3. Thời gian công khai												
2	Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo												
	1. Nội dung công khai												
	2. Hình thức công khai												
	3. Thời gian công khai												
3	Công khai thu chi tài chính												
	1. Nội dung công khai												
	2. Hình thức công khai												
	3. Thời gian công khai												
B	CƠ SỞ GIÁO DỤC CAO ĐẲNG												
I	Tổng số đơn vị												
II	Đơn vị chưa công bố công khai												
III	Đơn vị đã công bố công khai:												
1	Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế												
	1. Nội dung công khai												
	2. Hình thức công khai												
	3. Thời gian công khai												
2	Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo												
	1. Nội dung công khai												
	2. Hình thức công khai												
	3. Thời gian công khai												
3	Công khai thu chi tài chính												
	1. Nội dung công khai												
	2. Hình thức công khai												
	3. Thời gian công khai												
C	CƠ SỞ ĐÀO TẠO TRUNG CẤP CN												
I	Tổng số đơn vị												
II	Đơn vị chưa công bố công khai												
III	Đơn vị đã công bố công khai:												
1	Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế												
	1. Nội dung công khai												
	2. Hình thức công khai												
	3. Thời gian công khai												
2	Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo												
	1. Nội dung công khai												
	2. Hình thức công khai												
	3. Thời gian công khai												
3	Công khai thu chi tài chính												
	1. Nội dung công khai												
	2. Hình thức công khai												
	3. Thời gian công khai												
Cộng													

Ghi chú: ^(*) Lập danh sách các cơ sở đào tạo trực thuộc UBND quận, huyện, trong đó tổng số đơn vị đã công khai, tổng số đơn vị chưa công khai. Trong tổng số đơn vị đã công khai có bao nhiêu đơn vị công khai đúng, chưa đúng. Số đơn vị công khai chưa đúng về hình thức, về nội dung, thời gian qui định ...Nêu rõ nguyên nhân chưa công khai, chưa công khai đúng...

Người lập
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

BIỂU TỔNG HỢP THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI CỦA CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO TRỰC THUỘC

BIỂU TỔNG HỢP THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI CỦA CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO TRỰC THUỘC													
TT	Chi tiêu	Cơ sở đào tạo trực thuộc Bộ Công thương ^(*)										Ghi chú	
		Tổng số	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		
			Đúng	Không đúng	Đúng	Không đúng	Đúng	Không đúng	Đúng	Không đúng	Đúng		Không đúng
A	CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC												
I	Tổng số đơn vị												
II	Đơn vị chưa công bố công khai												
III	Đơn vị đã công bố công khai:												
1	Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế												
	1. Nội dung công khai												
	2. Hình thức công khai												
	3. Thời gian công khai												
2	Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục												
	1. Nội dung công khai												
	2. Hình thức công khai												
	3. Thời gian công khai												
3	Công khai thu chi tài chính												
	1. Nội dung công khai												
	2. Hình thức công khai												
	3. Thời gian công khai												
B	CƠ SỞ GIÁO DỤC CAO ĐẲNG												
I	Tổng số đơn vị												
II	Đơn vị chưa công bố công khai												
III	Đơn vị đã công bố công khai:												
1	Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế												
	1. Nội dung công khai												
	2. Hình thức công khai												
	3. Thời gian công khai												
2	Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục												
	1. Nội dung công khai												
	2. Hình thức công khai												
	3. Thời gian công khai												
3	Công khai thu chi tài chính												
	1. Nội dung công khai												
	2. Hình thức công khai												
	3. Thời gian công khai												
C	CƠ SỞ ĐÀO TẠO TRUNG CẤP CN												
I	Tổng số đơn vị												
II	Đơn vị chưa công bố công khai												
III	Đơn vị đã công bố công khai:												
1	Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế												
	1. Nội dung công khai												
	2. Hình thức công khai												
	3. Thời gian công khai												
2	Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục												
	1. Nội dung công khai												
	2. Hình thức công khai												
	3. Thời gian công khai												
3	Công khai thu chi tài chính												
	1. Nội dung công khai												
	2. Hình thức công khai												
	3. Thời gian công khai												
Cộng													

Ghi chú: (*) Lập danh sách các cơ sở đào tạo trực thuộc UBND quận, huyện, trong đó tổng số đơn vị đã công khai, tổng số đơn vị chưa công khai. Trong tổng số đơn vị đã công khai có bao nhiêu đơn vị công khai đúng, chưa đúng. Số đơn vị công khai chưa đúng về hình thức, về nội dung, thời gian qui định ... Nếu rõ nguyên nhân chưa công khai, chưa công khai đúng...

CƠ CẤU MẠNG LƯỚI TRƯỞNG, LỚP, HỌC SINH VÀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CBQLGD MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

TT	Năm học/Cấp học	Trưởng	Trong đó		Lớp	Trong đó		Học sinh	Trong đó		Tỷ lệ học sinh ngoài công lập (%)	Tổng số giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên hiện có	Cán bộ quản lý	Giáo viên, giảng viên		Nhân viên	Tổng biên chế giảng viên, giáo viên tính theo định mức, tiêu chuẩn (*)	Tổng biên chế giảng viên, giáo viên được cơ quan có thẩm quyền giao	Ghi chú
			Công lập	Ngoài công lập		Công lập	Ngoài công lập		Công lập	Ngoài công lập				Trong biên chế	Hợp đồng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Mầm non (Nhà trẻ, Mẫu giáo, Mầm non)																		
	Năm học 2013-2014																		
	Năm học 2014-2015																		
	Năm học 2014-2015																		
	Năm học 2015-2016																		
	Năm học 2016-2017																		
	Năm học 2017-2018																		
2	Tiểu học																		
	Năm học 2013-2014																		
	Năm học 2014-2015																		
	Năm học 2014-2015																		
	Năm học 2015-2016																		
	Năm học 2016-2017																		
	Năm học 2017-2018																		
3	THCS																		
	Năm học 2013-2014																		
	Năm học 2014-2015																		
	Năm học 2014-2015																		
	Năm học 2015-2016																		
	Năm học 2016-2017																		
	Năm học 2017-2018																		
4	TT Giáo dục thường xuyên																		
	Năm học 2013-2014																		
	Năm học 2014-2015																		
	Năm học 2014-2015																		
	Năm học 2015-2016																		
	Năm học 2016-2017																		
	Năm học 2017-2018																		
	Tổng cộng																		

Ghi chú: (*) Tổng biên chế tính theo hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập của Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ và Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT

Người lập
(kí, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(kí, họ tên, đóng dấu)

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2019

ĐỀ CƯƠNG YÊU CẦU BÁO CÁO
(Đối với các Trường đại học, cao đẳng thuộc Bộ, thuộc tỉnh)

Thực hiện Quyết định số 658/QĐ-TTCP ngày 18/9/2019 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc thanh tra chuyên đề công tác quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo với nội dung công tác QLNN về: Sách giáo khoa, quản lý, triển khai, thực hiện một số dự án đầu tư cho giáo dục, đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đội ngũ nhà giáo, hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, biên chế sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo; thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục tại 05 Bộ (Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông) và Ủy ban nhân dân 12 tỉnh (Lào Cai, Yên Bái, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Gia Lai, Kon Tum, Bình Định, Tiền Giang, Long An, Đồng Tháp, Kiên Giang, Cà Mau).

Đoàn thanh tra đề nghị Trường chuẩn bị báo cáo bằng văn bản theo nội dung sau:

I. Đặc điểm tình hình (giai đoạn 2014-2018)

- Khái quát chung về đơn vị (quá trình hình thành và phát triển của đơn vị; Chức năng, nhiệm vụ; Cơ sở vật chất; Quy mô đào tạo, tổ chức - nhân sự...).

- Khái quát chung cơ cấu ngành đào tạo, chương trình đào tạo, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục của Trường giai đoạn 2014-2018:

+ Cơ cấu ngành đào tạo, lớp, học sinh, sinh viên và đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

- Khái quát chung về số lượng biên chế sự nghiệp của Trường.

- Khái quát chung về tình hình thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục.

(Tổng hợp báo cáo theo các biểu mẫu gửi kèm)

II. Tình hình thực hiện công tác quản lý về đội ngũ nhà giáo, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, biên chế sự nghiệp; thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục giai đoạn 2014-2018.

Báo cáo thuyết minh theo trình tự; nêu rõ quá trình tổ chức, thực hiện từng nhiệm vụ; những mặt đạt được, những mặt còn hạn chế, nguyên nhân. Cụ thể như sau:

- Việc xây dựng Kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo; việc thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục; việc thực hiện hệ thống chức danh, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ nhà giáo; việc tuyển dụng, nâng ngạch, chuyển ngạch, cơ cấu, định mức lao động, chế độ làm việc, luân chuyển nhà giáo. *(Sao chụp các Kế hoạch; thống kê công tác đào tạo, bồi dưỡng; lập biểu thống kê công tác tuyển dụng, nâng ngạch, luân chuyển hàng năm).*

- Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, miễn nhiệm, cách chức, giáng chức và thực hiện chính sách đối với công chức, lãnh đạo quản lý *(Căn cứ, cơ sở*

pháp lý để thực hiện; lập biểu thống kê công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển... hàng năm).

- Việc mở mã ngành đào tạo mới về đào tạo nói chung và đào tạo nhà giáo nói riêng. Việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo nói chung và chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo nhà giáo nói riêng.

- Về biên chế sự nghiệp của Trường giai đoạn 2014-2018; vấn đề phân cấp trong tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục và việc thực hiện các chính sách. Những đề xuất, kiến nghị có liên quan đến chính sách, việc thực hiện chính sách về nhà giáo.

- Việc tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế công khai ban hành kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 và Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; công khai thu chi tài chính).

- Việc thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý. *(Các báo cáo tổng kết gửi kèm).*

- Việc báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra hoặc cơ quan chủ quản. *(Các báo cáo tổng kết gửi kèm).*

III. Thuận lợi, khó khăn

Đề nghị Trường nêu rõ những thuận lợi, khó khăn *(đặc biệt về cơ chế, chính sách)* trong quá trình thực hiện công tác quản lý về đội ngũ nhà giáo, đào tạo; biên chế sự nghiệp; thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục (giai đoạn 2014-2018), đồng thời chỉ rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan về những thuận lợi, khó khăn đã nêu.

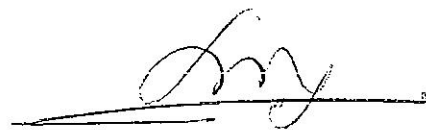
IV. Kiến nghị, đề xuất

Trên cơ sở những kết quả đạt được và những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực công tác quản lý về đội ngũ nhà giáo, đào tạo; biên chế sự nghiệp; thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục (giai đoạn 2014-2018), đề nghị Trường kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ chủ quản và các cơ quan có thẩm quyền khác *(đặc biệt về cơ chế, chính sách)*, đề xuất các giải pháp khắc phục.

V. Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu:

Trường thực hiện báo cáo, tổng hợp số liệu theo các biểu mẫu kèm theo và chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu liên quan cung cấp cho Đoàn thanh tra *(Lập danh mục hồ sơ theo các bước thực hiện và trình tự thời gian để thuận tiện cho việc kiểm tra)*.

TRƯỞNG ĐOÀN THANH TRA



Phan Thăng Long

(Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp)
(Tên cơ sở giáo dục)

Biểu số 01

TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, SỬ DỤNG VỐN CHO CÁC DỰ ÁN

Đơn vị: Triệu đồng															
STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn được giao					Tình hình giải ngân						Ghi chú		
		Tổng số	Trong đó					Tổng số							
			Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018		Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017		Năm 2018	
A	B	I	2	3	4		5	6	8				9	10	11
1	Nguồn vốn NSNN														
2	Nguồn vốn sự nghiệp Nguồn vốn vay (ngân hàng, kích cầu, ODA...)														
3															
4	Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ														
5	Nguồn vốn khác														
Tổng cộng															

Người lập
(ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, đóng dấu)

Đơn vị: Triệu đồng

(Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp)
(Tên cơ sở giáo dục)

Biểu số 02

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
(Tính đến 31/12/2018)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt dự án (số, ngày tháng năm phê duyệt)	Tình hình thực hiện đầu thầu			Hợp đồng thực hiện		Giá trị khối lượng hoàn thành đến 31/12/2018					Lũy kế vốn giải ngân đến 31/12/2016				Ghi chú
			Hình thức đầu thầu	Giá trúng thầu	Đơn vị trúng thầu	Số HD (ngày, tháng, năm)	Giá trị hợp đồng	Tổng số	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Tổng số	Trong đó			
														NSNN	Vốn từ quỹ phát triển HSDN	Vốn khác	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Dự án ...																
	Gói thầu...																
	Gói thầu...																
																	
2	Dự án ...																
	Gói thầu...																
	Gói thầu...																
	...																
3	Dự án ...																
																	

Người lập
(ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, đóng dấu)

(Tên cơ quan lý cấp trên trực tiếp)
(Tên cơ sở giáo dục)

QUYẾT TOÁN THU - CHI KHOẢN ĐÓNG GÓP CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NĂM 2014-2018

DVT: Triệu đồng

ST T	Nội dung	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
I	Tổng số tiền huy động được						
1	Của các tổ chức						
2	Của các cá nhân						
II	Sử dụng số tiền huy động được						
1	Công việc A						
2	Công việc B						
3	Công việc ...						
	...						
II	Số tiền huy động được còn dư						

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO TỔNG HỢP PHÂN CHI TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung chi	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Tổng cộng 5 năm	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Tiền lương cơ bản và phụ cấp lương							
1.1	Lương cơ bản							
1.2	Phụ cấp lương							
2	Các khoản phụ cấp khác (ngoài phụ cấp lương)							
1.1	Phụ cấp kiêm nhiệm lãnh đạo							
1.2	Phụ cấp đặc thù							
1.3	Phụ cấp đặc biệt							
3	Tiền công, thù lao thử việc							
4	BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn							
5	Thu nhập tăng thêm							
6	Thù lao giảng dạy							
7	Chi cho các hoạt động đào tạo khác							
8	Chi cho nghiên cứu khoa học							
9	Chi cho hội nghị, hội thảo khoa học							
10	Chi liên quan đến tuyển sinh							
11	Chi cho các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ							
12	Chi phụ cấp làm thêm ngoài giờ, làm thời vụ							
13	Chi cho phong trào văn thể mỹ, hoạt động ngoại khóa của Đoàn - Hội và công tác sinh viên							
14	Chi thường xuyên cho các đơn vị thuộc Trường							
15	Chi hỗ trợ kinh phí học tập cho CBVC							
16	Chi hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể							
17	Trường							
18	Chi sửa chữa thường xuyên TSCĐ, duy tu, bảo dưỡng các công trình và phương tiện khác							
19	Chi xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn TSCĐ, khấu hao TSCĐ và mua sắm tài sản							
20	Chi thuê cơ sở học tập							
21	Chi tiền tàu xe đi phép năm							
22	Chi công tác phí							
23	Chi cho giảng viên đi giảng dạy, CBVC giám sát thi							
24	Chi tiêu hội nghị							
25	Chi tiếp khách							
26	Chi điện thoại							
27	Chi mua báo, tạp chí							
28	Chi khác (nếu có)							
	Cộng: (1)+...+(28)							

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Số liệu chi lấy trong báo cáo quyết toán hàng năm

HỌC PHÍ CỦA CÁC BẬC HỌC

ĐVT: Triệu đồng /SV/ Năm

TT	Nội dung	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Ghi chú
I	Học phí hệ chính quy chương trình đại trà						
1	Tiến sĩ						
2	Thạc sĩ						
3	Đại học						
4	Cao đẳng						
5	Liên thông cao đẳng lên đại học						
6	Liên thông trung cấp lên đại học						
7	Trung cấp chuyên nghiệp						
II	Học phí hệ chính quy chương trình khác						
1	Tiến sĩ						
2	Thạc sĩ						
3	Đại học						
4	Cao đẳng						
5	Liên thông cao đẳng lên đại học						
6	Liên thông trung cấp lên đại học						
7	Trung cấp chuyên nghiệp						
III	Học phí hệ vừa học vừa làm tại trường						
1	Tiến sĩ						
2	Thạc sĩ						
3	Đại học						
4	Cao đẳng						
5	Liên thông cao đẳng lên đại học						
6	Liên thông trung cấp lên đại học						
7	Trung cấp chuyên nghiệp						
IV	Tổng thu năm (tính đến 31/12 của năm)						
1	Từ ngân sách						
2	Từ học phí, lệ phí						
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ						
4	Từ nguồn khác						

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

ଠିକ୍ ଠିକ୍ କରାଯାଇଛି, ତାହା ବ୍ୟବହାର କରିବାକୁ ସୁବିଧାଜନକ...

[illegible]

(Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp)
(Tên cơ sở giáo dục)

Biểu số 08

CƠ SỞ VẬT CHẤT NĂM 2014 - 2018

TT	Nội dung	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Ghi chú
		Đơn vị tính	Tổng số	Đơn vị tính	Tổng số	Đơn vị tính	Tổng số	Đơn vị tính	Tổng số	Đơn vị tính	Tổng số	
I	Diện tích đất đai	ha		ha		ha		ha		ha		
II	Diện tích sàn xây dựng											
1	Giảng đường											
	Số phòng	phòng		phòng		phòng		phòng		phòng		
	Tổng diện tích	m ²		m ²		m ²		m ²		m ²		
2	Phòng học máy tính											
	Số phòng	phòng		phòng		phòng		phòng		phòng		
	Tổng diện tích	m ²		m ²		m ²		m ²		m ²		
3	Phòng học ngoại ngữ											
	Số phòng	phòng		phòng		phòng		phòng		phòng		
	Tổng diện tích	m ²		m ²		m ²		m ²		m ²		
4	Thư - viện											
	Tổng diện tích	m ²		m ²		m ²		m ²		m ²		
5	Phòng thí nghiệm											
	Số phòng	phòng		phòng		phòng		phòng		phòng		
	Tổng diện tích	m ²		m ²		m ²		m ²		m ²		
6	Xưởng thực tập, thực hành											
	Số phòng	phòng		phòng		phòng		phòng		phòng		
	Tổng diện tích	m ²		m ²		m ²		m ²		m ²		
7	Ký túc xá thuộc cơ sở đào tạo quản lý											
	Số phòng	phòng		phòng		phòng		phòng		phòng		
	Tổng diện tích	m ²		m ²		m ²		m ²		m ²		
8	Diện tích nhà ăn của cơ sở đào tạo	m ²		m ²		m ²		m ²		m ²		
9	Diện tích khác:											
	Diện tích hội trường	m ²		m ²		m ²		m ²		m ²		
	Diện tích nhà văn hóa	m ²		m ²		m ²		m ²		m ²		
	Diện tích nhà thi đấu đa năng	m ²		m ²		m ²		m ²		m ²		
	Diện tích bể bơi	m ²		m ²		m ²		m ²		m ²		
	Diện tích sân vận động	m ²		m ²		m ²		m ²		m ²		

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

[illegible]

BÁO CÁO TỔNG HỢP THU TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung thu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Tổng cộng 5 năm	Ghi chú
1	2	4			5	6	7	8
I	Kinh phí do Ngân sách Nhà nước cấp							
1	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ							
2	Kinh phí thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng CBCC							
3	Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia							
4	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đặt hàng							
5	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được Nhà nước giao							
6	Vốn ĐTXD cơ bản, kinh phí mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn TSCĐ phục vụ hoạt động sự nghiệp theo dự án đã được phê duyệt							
7	Vốn đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài							
8	Kinh phí khác							
II	Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp của đơn vị							
1	Phần được để lại từ số thu phí, lệ phí theo quy định của Nhà nước							
1.1	Học phí của người học thuộc các loại hình giáo dục và đào tạo chính quy và không chính quy							
1.2	Lệ phí tuyển sinh theo quy định của Nhà nước							
1.3	Thu từ hoạt động dịch vụ phù hợp với lĩnh vực chuyên môn và khả năng của đơn vị							
	- Thu từ các dự án liên kết đào tạo với các tổ chức trong và ngoài nước							
	- Thu từ các chương trình ngắn hạn do đơn vị tổ chức và cấp chứng chỉ, chứng nhận							
	- Thu từ các hoạt động sản xuất							
	- Thu từ các hợp đồng khoa học và công nghệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước							
	- Các khoản thu hợp pháp khác							
1.4	Thu khác như giữ xe, căn tin, cho thuê cơ sở vật chất							
1.5	Lãi được chia từ các hoạt động liên doanh, liên kết, lãi tiền gửi ngân hàng từ các hoạt động dịch vụ							
2	Nguồn viện trợ, tài trợ, quà biếu, tặng, cho theo quy định của pháp luật							
3	Nguồn khác (nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng, vốn huy động của CBVC; nguồn vốn liên doanh, liên kết của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật)							
	Cộng: (I)+(II)							

Người lập biểu
(Ký tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

(Tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp)
(Tên cơ sở giáo dục)

CƠ SỞ VẬT CHẤT NĂM 2014 - 2018

TT	Nội dung	Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Ghi chú
		Đơn vị tính	Tổng số	Đơn vị tính	Tổng số	Đơn vị tính	Tổng số	Đơn vị tính	Tổng số	Đơn vị tính	Tổng số	
I	Diện tích đất đai	ha		ha		ha		ha		ha		
II	Diện tích sân xây dựng											
1	Giảng đường											
	Số phòng	phòng	m ²	phòng	m ²	phòng	m ²	phòng	m ²	phòng	m ²	
	Tổng diện tích											
2	Phòng học máy tính											
	Số phòng	phòng	m ²	phòng	m ²	phòng	m ²	phòng	m ²	phòng	m ²	
	Tổng diện tích											
3	Phòng học ngoại ngữ											
	Số phòng	phòng	m ²	phòng	m ²	phòng	m ²	phòng	m ²	phòng	m ²	
	Tổng diện tích											
4	Thư viện											
5	Phòng thí nghiệm											
	Số phòng	phòng	m ²	phòng	m ²	phòng	m ²	phòng	m ²	phòng	m ²	
	Tổng diện tích											
6	Xưởng thực tập, thực hành											
	Số phòng	phòng	m ²	phòng	m ²	phòng	m ²	phòng	m ²	phòng	m ²	
	Tổng diện tích											
7	Ký túc xá thuộc cơ sở đào tạo quản lý											
	Số phòng	phòng	m ²	phòng	m ²	phòng	m ²	phòng	m ²	phòng	m ²	
	Tổng diện tích											
8	Diện tích nhà ăn của cơ sở đào tạo											
9	Diện tích khác:											
	Diện tích hội trường	m ²		m ²		m ²		m ²		m ²		
	Diện tích nhà văn hóa	m ²		m ²		m ²		m ²		m ²		
	Diện tích nhà thi đấu đa năng	m ²		m ²		m ²		m ²		m ²		
	Diện tích bể bơi	m ²		m ²		m ²		m ²		m ²		
	Diện tích sân vận động	m ²		m ²		m ²		m ²		m ²		

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)